

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Số: 13/2020/HSST
Ngày 26/02/2020**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M – TỈNH HUNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Trọng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thìn và bà Vũ Thu Hiền.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh - Cán bộ Toà án nhân dân thị xã M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà: Bà Đặng Hiền Dung - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã M.

Ngày 26/02/2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân thị xã M mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 79/2019/HSST ngày 31/12/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/HSST - QĐ ngày 11/02/2020 đối với các bị cáo:

1. Hồ Thị H, sinh năm 1994; Giới tính: Nữ;

Tên gọi khác: M.

Nơi cư trú Tổ dân phố ~~Đ~~ thị trấn ~~K~~ huyện P, tỉnh Q, Quảng Nam

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Gié Triêng; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ H1 văn: 10/12;

Con ông Hồ Văn M, sinh năm 1969 và bà Hồ Thị H, sinh năm 1970;

Có chồng là Trần Văn H (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: Không;

Tạm giữ từ ngày 19/9/2019, tạm giam từ ngày 21/9/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên; Có mặt.

2. Lương Văn H1, sinh năm 1999; Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Bản H, xã N, huyện K, tỉnh Nghệ An;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khơ Mú; Tôn giáo: Không;

Trình độ học văn: 8/12; Nghề nghiệp: Tự do;

Con ông Lương Phò V, sinh năm 1964 và bà Lương Mẹ V, sinh năm 1965;

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không;

Tạm giữ từ ngày 19/9/2019, tạm giam từ ngày 21/9/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên; Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Hồ Thị H và Lương Văn H: Bà Vương Thị Thanh N - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Ngô Thị N, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn D xã D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên; Vắng mặt.

2. Chị Hồ Thị N 1 (tên gọi khác là Hồng), sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn 5, xã P huyện P, tỉnh Quảng Nam; Vắng mặt.

3. Anh Khúc Chí D, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Văn H1 và Hồ Thị H (tên gọi khác là M) có quan hệ bạn bè từ trước. Khoảng đầu tháng 9/2019 H1 đến thị xã M và nhờ H tìm việc làm hộ. H đã giới thiệu H1 đến xin làm tại quán Karaoke Sinh Viên có địa chỉ tại tổ dân phố Đ, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên, do chị Ngô Thị N và anh Kiều Quang H làm chủ. Anh H và chị N chưa nhận H1 làm nhân viên nhưng vẫn để cho H1 sinh hoạt tại quán và hứa khi quán có đông khách sẽ cho H1 làm và trả lương.

Khoảng hơn 15 giờ ngày 19/9/2019, H1 gọi điện cho H hỏi mua 04 viên ma túy MDMA. H đồng ý bán với giá 450.000 đồng/ 1 viên, sau đó H1 thuê 01 chiếc taxi biển số 89A-002.64 của anh Nguyễn Đức L rồi đi đến nhà trọ của H. Khi đến nơi, H1 gặp H, H đã đưa cho H1 01 gói giấy kiêu giấy ăn màu trắng bên trong chứa 04 viên ma túy. H1 đưa cho H số tiền 1.000.000 đồng thì H nói với H1 “em còn nợ chị 800.000 đồng nhé”. H1 đồng ý và cầm số ma túy trên đi ra xe ô tô taxi biển số 89A-002.64 để về quán karaoke của chị N, anh H. Khi đi đến khu vực tổ dân phố N, phường P, thị xã M là khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an thị xã M phối hợp cùng Công an phường P đã tiến hành kiểm tra, phát hiện thu giữ vật chứng gồm: tại túi quần phía sau bên phải của H 1 01 gói giấy kiêu giấy ăn màu trắng bên trong có 04 viên dạng nén (02 viên hình hộp vuông màu cam, kích thước 0,4 x 0,8 x 0,8 cm, trên mỗi viên đều có chữ “Z”; 02 viên hình chữ nhật màu hồng nhạt, kích thước 12 x 0,8 x 0,4cm, trên mỗi viên nén có chữ “durex”). Ngoài ra còn quản lý của H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh bên trong lắp 02 sim có số thuê bao 0905864374 và 0327936320.

Ngày 19/9/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M khám xét khẩn cấp chỗ ở của H1 tại quán karaoke Sinh Viên nhưng không thu giữ được vật, tài liệu gì. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của H thu giữ 01 túi xách giả da màu đen không rõ nhãn hiệu 01 ví

giả da màu đỏ, số tiền 19.800.000 đồng, 01 quần bò màu xanh loại quần ngố thu tại móc treo quần áo trong nhà vệ sinh 01 điện thoại di động loại Redmi hãng Xiaomi màu đen bên trong lắp sim có số thuê bao 0966223376.

Tại bản kết luận giám định số 565/PC09 ngày 22/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Mẫu chất dạng viên nén hình hộp vuông màu da cam, một mặt viên nén có chữ “Z” trong niêm phong ký hiệu M, có tổng khối lượng là 0,707g (Không phẩy bảy không bảy gam) là ma túy, là loại: MDMA. Mẫu chất dạng viên nén hình hộp chữ nhật màu hồng nhạt, một mặt viên nén có chữ “durex” trong niêm phong ký hiệu M, có tổng khối lượng là : 0,916g (Không phẩy chín một sáu gam) là ma túy, là loại: MDMA. Hoàn lại 1,494g (Một phẩy bốn chín bốn gam) MDMA trong niêm phong ghi M.

Quá trình điều tra Lương Văn H1 và Hồ Thị H đã thành khẩn nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngoài ra H1 còn khai: Ngày 19/9/2019 chị N có nhờ H1 đi mua ma túy để chị N cùng H1 và nhân viên quán karaoke Sinh Viên sử dụng. Chị N bảo một nhân viên của quán tên là M (không biết họ tên đệm và địa chỉ) đưa cho H1 số tiền 1.000.000 đồng để đi mua ma túy. chị Hoàng Thị N (tên gọi khác là H) là nhân viên quán karaoke Sinh Viên gọi taxi cho H1.

Hồ Thị H khai nhận nguồn gốc số ma túy bán cho H1 là do H được các khách hát karaoke cho không rõ ai và lúc nào. Trước đó (không nhớ cụ thể ngày tháng) H đã một lần cho anh Khúc Chí D 01 viên ma túy để sử dụng và H là người đến lấy ma túy hộ anh D. Viên ma túy này cũng là H được khách hát cho nhưng không sử dụng.

Đối với hành vi H1 khai mua ma túy hộ chị N, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Mỹ Hào đã tiến hành lấy lời khai nhưng chị N đều khẳng định chị N không nhờ H mua ma túy hộ. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho chị N đối chất nhưng H và chị N vẫn giữ nguyên lời khai. Đối với đối tượng H khai tên M đã đưa cho H 1.000.000 đồng mua ma túy cơ quan điều tra đã xác minh nhưng chưa xác định được nên tiếp tục điều tra xác minh giải quyết sau.

Đối với anh Khúc Chí D, H khai đã cho ma túy, anh D xác định ngày 17/9/2019 anh D đã xin Hà 01 viên ma túy tổng hợp để sử dụng tại quán karaoke Sinh Viên một mình không ai biết. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Mỹ Hào đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh D về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh bên trong lắp 02 sim có số thuê bao 0905864374 và 0327936320, qua điều tra xác định là của chị Hồ Thị N 1 (tên gọi khác là H), sinh năm 1996, hộ khẩu thường trú ở thôn 5, xã P, huyện P, tỉnh Quảng Nam, là nhân viên quán karaoke Sinh Viên. Chị N 1 không biết H mượn để sử dụng vào việc phạm tội Chị N 1 đề nghị được nhận lại tài sản nêu trên.

Đối với số tiền 19.800.000 đồng thu giữ của H qua điều tra xác định 1.000.000 đồng là tiền H bán ma túy cho H1, số tiền còn lại là không liên quan đến việc phạm tội H đề nghị được nhận lại. Đối với 01 túi xách giả da màu đen không rõ nhãn hiệu và 01 điện thoại di động loại Redmi hãng Xiaomi màu đen (bên trong có lắp 01 sim) là tài sản của H không liên quan đến việc phạm tội, tuy nhiên H không có nhu cầu nhận lại số tài sản nêu trên. Đối với 01 quần bò màu xanh loại quần ngố thu tại móc treo quần áo trong nhà vệ sinh nhà trọ của H được xác định là tài sản của H, H1 không có nhu cầu nhận lại tài sản nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 08/CT - VKSMH ngày 31/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đã truy tố bị cáo Hồ Thị H (tên gọi khác là M) về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS; truy tố bị cáo Lương Văn H1 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Tại phiên tòa:

+ Các bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Căn cứ khoản 1, 5 Điều 251 (đối với Hà); điểm c khoản 1 Điều 249 (đối với Học); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; điểm a, b khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 47 BLHS; khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử phạt bị cáo Hồ Thị H (tên gọi khác là M) 02 năm 06 tháng tù - 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/9/2019; Xử phạt bị cáo Lương Văn H1 02 năm tù - 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/9/2019; Phạt tiền bị cáo Hồ Thị H 5.000.000 đồng - 8.000.000 đồng, nộp ngân sách nhà nước; Vật chứng và biện pháp tư pháp: Trả lại chị Hồ Thị N 101 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh có số Imel 867013049299832 và 867013049299824, bên trong lắp 02 chiếc sim điện thoại; Trả lại bị cáo Hồ Thị H (tên gọi khác là M) số tiền 18.800.000 đồng; Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000 đồng; Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen có số Imel 86928804640175 và 869288047304170 (riêng chiếc sim điện thoại lắp trong chiếc điện thoại này thì tịch thu, cho tiêu hủy); Tịch thu, cho tiêu hủy 01 chiếc túi xách giả da màu đen, 01 chiếc ví giả da màu đỏ, 01 chiếc quần bò màu xanh loại quần ngố và 01 chiếc phong bì niêm phong hoàn mẫu vật gửi giám định số 565/PC09; Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

+ Người bào chữa cho các bị cáo: Nhất trí với tội danh, các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho hai bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp khách quan với Biên bản kiểm tra được Công an thị xã M lập đối với Lương Văn H1, biên bản niêm phong đồ vật là gói giấy ăn bên trong có 04 viên nén dạng hình hộp vuông và hình hộp chữ nhật, kết luận giám định, lời khai của người làm chứng là các anh Nguyễn Đức L và Phạm Xuân H, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định: Khoảng 15 giờ ngày 19/9/2019, tại phòng trọ của Hồ Thị H có địa chỉ tại tổ dân phố N, phường P, thị xã M, tỉnh Hưng Yên, H bán trái phép 04 viên ma túy, loại MDMA, có tổng khối lượng 1,623g cho Lương Văn H1 với số tiền 1.000.000đ. Sau đó, H1 cất giấu số ma túy này trong người rồi đi ra xe taxi bị cáo thuê trước đó của anh Nguyễn Đức L thì bị Công an thị xã M kiểm tra, thu giữ số ma túy nói trên.

[3] Hành vi bán trái phép chất ma túy của H và hành vi cất giấu trái phép chất ma túy trên người của H1 đã thỏa mãn đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Do khối lượng chất ma túy các bị cáo giao dịch và cất giấu dưới 05g, nên Viện kiểm sát nhân dân thị xã M truy tố bị cáo Hồ Thị H về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS và truy tố bị cáo Lương Văn H1 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Anh Nguyễn Đức L là lái xe taxi được bị cáo H1 thuê để đưa đến chỗ ở của bị cáo H, nhưng anh L không biết H1 đến đây để mua ma túy, nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với anh L. Đối với lời khai của H1 xác định số ma túy bị cáo mua của H là do chị Ngô Thị N nhờ bị cáo mua hộ, cũng như số tiền 1.000.000 đồng có nguồn gốc do chị N bảo chị M là nhân viên quán Karaoke Sinh viên đưa cho H1, nhưng chị N phủ nhận lời khai này của H1, các tài liệu, chứng cứ khác có

trong hồ sơ vụ án cũng không thể hiện có sự việc này, nên không có căn cứ xác định chị N đồng phạm với H1; đối với nhân viên theo bị cáo H1 khai tên là Mai, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, nhưng chưa xác định được họ tên, địa chỉ nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh để xử lý sau là có căn cứ.

[5] Các bị cáo quen biết nhau từ trước, mặc dù không có sự hứa hẹn trước, nhưng do biết H có ma túy, H1 đã giao dịch, mua bán với H. Hành vi phạm tội của các bị cáo là liên quan, tạo điều kiện cho nhau để tàng trữ, cung cấp chất ma túy ra xã hội, gây mất trật tự, an toàn tại địa phương, là tiền đề phát sinh tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Do vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, đồng thời tiếp tục cách ly các bị cáo khỏi xã hội để cải tạo, giáo dục các bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa loại tội phạm này.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối hận về hành vi phạm tội; các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hiểu biết, nhận thức pháp luật có phần bị hạn chế. Cho nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho hai bị cáo.

[7] Bị cáo H có công việc, thu nhập và tài sản riêng, bán trái phép chất ma túy nhằm thu lời, nên áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với H; bị cáo H1 không có việc làm và tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với H.

[8] Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh bên trong lắp 02 sim điện thoại là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị Hồ Thị N 1 cho H1 mượn, nhưng chị N 1 không có lỗi trong việc H1 sử dụng điện thoại để liên lạc mua ma túy, chị N 1 yêu cầu nhận lại là có căn cứ, nên trả lại cho chị N 1 chiếc điện thoại này. Đối với số tiền 19.800.000 đồng thu giữ của bị cáo H, trong đó số tiền 1.000.000 đồng do H bán ma túy, nên tịch thu nộp ngân sách nH nước; số tiền còn lại là 18.800.000 đồng không liên quan tới hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo H. Đối với các tài sản gồm túi xách, ví là tài sản của H và chiếc quần bò là tài sản của H1, tuy không liên quan tới hành vi phạm tội, nhưng hai bị cáo không yêu cầu nhận lại, nên tịch thu cho tiêu hủy. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi bên trong lắp 01 sim điện thoại là tài sản của H được sử dụng để liên lạc bán ma túy cho H1 nên tịch thu, nộp ngân sách nH nước (chiếc sim điện thoại thì tịch thu cho tiêu hủy); chiếc phong bì niêm phong hoàn mẫu vật gửi giám định là vật nH nước cấm lưu hành, nên tịch thu cho tiêu hủy.

[9] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Hồ Thị H(tên gọi khác là M) phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo Lương Văn H1 phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy;

2. Căn cứ: Khoản 1, 5 Điều 251 (đối với H); điểm c khoản 1 Điều 249 (đối với H1); điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; điểm a, b khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 47 BLHS; khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

3. Xử phạt:

3.1. Bị cáo Hồ Thị H(tên gọi khác là M) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 19/9/2019;

3.2. Bị cáo Lương Văn H1 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 19/9/2019;

4. Phạt tiền bị cáo Hồ Thị H(tên gọi khác là M) 5.000.000 đồng (Lăm triệu đồng), nộp ngân sách nHnước;

5. Vật chứng và biện pháp tư pháp:

5.1. Trả lại chị Hồ Thị N 1(tên gọi khác là Hồng), sinh năm 1996, địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện P, tỉnh Quảng Nam 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh có số Imel 867013049299832 và 867013049299824, bên trong lắp 02 chiếc sim điện thoại;

5.2. Trả lại bị cáo Hồ Thị H(tên gọi khác là M) số tiền 18.800.000 đồng (Mười tám triệu tám trăm nghìn đồng);

5.3. Tịch thu, nộp ngân sách nHnước số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng);

(Các khoản tiền nói trên hiện đang có trong tài khoản của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã M);

5.4. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen có số Imel 86928804640175 và 869288047304170 (riêng chiếc sim điện thoại lắp trong chiếc điện thoại này thì tịch thu, cho tiêu hủy);

5.5. Tịch thu, cho tiêu hủy 01 chiếc túi xách giả da màu đen, 01 chiếc ví giả da màu đỏ, 01 chiếc quần bò màu xanh loại quần ngố và 01 chiếc phong bì niêm phong hoàn mẫu vật gửi giám định số 565/PC09;

6. Án phí: Hồ Thị H(tên gọi khác là M) và Lương Văn H1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

7. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND thị xã M;
- CQĐT, THA Hình sự thị xã M;
- THA Dân sự thị xã M;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hoàng Tuấn Trọng